

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến
2. Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Ông Trần Hoàng G, sinh năm 1982 (có mặt)
- Bà Lý Mỹ T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà D đường H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bà Lý Mỹ T, sinh năm 1981 ủy quyền cho ông Trần Hoàng G, sinh năm 1982; theo giấy ủy quyền ngày 24/4/2024.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn T1 (B), sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà C đường H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T trình bày: Vào ngày 30/5/2023 tôi có mua 01 chiếc xe ô tô từ S về, chưa có biển số xe nên Nguyễn T1 có nhận làm biển số xe đẹp cho tôi là 68A-289.89 với số tiền 182.000.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không có làm hợp đồng bằng văn bản. Sau đó vợ chồng tôi đã chuyển số tiền trên nhiều lần cho Nguyễn T1, hai bên giao nhận tiền không có làm biên nhận. Sau khi nhận tiền xong thì T1 không thực hiện được biển số xe cho vợ chồng tôi nên vợ chồng tôi yêu cầu T1 trả tiền lại cho vợ chồng tôi. Đến ngày 25/9/2023 T1 chuyển khoản cho vợ chồng tôi số

tiền 62.000.000 đồng và làm biên nhận còn nợ vợ chồng tôi số tiền 120.000.000 đồng và hứa đến ngày 16/10/2023 sẽ trả đủ. Nhưng T1 không thực hiện đúng lời hứa trả tiền lại cho vợ chồng tôi. Nên ngày 17/10/2023 tôi đã làm đơn yêu cầu gửi khu phố E, phường V giải quyết. Tại khu phố hòa giải Nguyễn T1 không đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng; do đó tôi đã khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

Ngày 25/9/2023 Nguyễn T1 viết biên nhận tại nhà tôi, chỉ có vợ chồng tôi; ngoài ra không có ai khác và việc T1 cho rằng tôi đe dọa để T1 viết biên nhận trên là không đúng. Đối với số tiền 120.000.000 đồng Tuân nợ tôi ngoài biên nhận ngày 25/9/2023 thì giữa tôi và T1 còn thể hiện tại tin nhắn trong Zalo T1 thừa nhận còn nợ tôi số tiền trên.

Nay vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T1 trả lại số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất; yêu cầu trả 01 lần số tiền trên.

* Tại tờ tường trình ngày 21/12/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn T1 trình bày: Tôi thừa nhận có nhận làm biển số xe ô tô cho vợ chồng ông G, bà T, biển số 68A-289.89. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có văn bản hợp đồng nào và ông G, bà T đã đưa tiền nhiều lần cho tôi được 62.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận. Sau đó do tôi không làm được biển số xe, nên ngày 25/9/2023 tôi đã chuyển khoản trả cho vợ chồng ông G, bà T số tiền 62.000.000 đồng. Nhưng ông G, bà T buộc tôi phải bồi thường số tiền 182.000.000 đồng, nếu không bồi thường sẽ qua quậy gia đình tôi. Vợ chồng ông G, bà T ép tôi viết biên nhận nợ ngày 25/9/2023 và buộc tôi bồi thường số tiền 120.000.000 đồng.

Tôi thừa nhận có viết và ký tên vào biên nhận có nợ ông G 120.000.000 đồng vào ngày 25/9/2023. Biên nhận là do ông G, bà T ép tôi viết tại nhà ông G, bà T; tuy nhiên sau khi viết biên nhận tôi không có trình báo cho chính quyền địa phương biết sự việc bị ép viết biên nhận nợ và cũng không có ai khác biết.

Nay theo yêu cầu của ông G, bà T thì tôi đồng ý trả cho ông G, bà T số tiền 120.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn phải nuôi vợ và 02 con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông Nguyễn T1 có nhận làm biển số xe ô tô 68A-289.89 cho ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T; hai bên chỉ có thỏa thuận miệng với nhau, không có làm hợp đồng bằng văn

bản. Ông G, bà T cho rằng hai bên có thỏa thuận bằng miệng số tiền 182.000.000 đồng; phía ông T1 thì cho rằng chỉ nhận số tiền 62.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong thì ông T1 không thực hiện được biên số xe cho vợ chồng ông G, bà T; đến ngày 25/9/2023 ông T1 đã chuyển khoản trả cho vợ chồng ông G, bà T số tiền 62.000.000 đồng và đồng thời ông T1 có làm biên nhận còn nợ ông G số tiền 120.000.000 đồng và hẹn ngày 16/10/2023 sẽ trả đủ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 thừa nhận có nợ ông G, bà T số tiền trên và đồng ý trả cho ông G, bà T số tiền 120.000.000 đồng; mặt khác ông T1 thừa nhận chữ viết và chữ ký tên tại biên nhận ngày 25/9/2023. Như vậy phù hợp quy định tại Điều 513, Điều 516 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì ông T1 còn nợ ông G, bà T số tiền 120.000.0000 đồng là có thật.

Đối với việc của ông T1 cho rằng ông bị ông G, bà T ép viết biên nhận nợ ngày 25/9/2023, nhưng ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của ông T1. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T đối với bị đơn ông Nguyễn T1. Buộc ông Nguyễn T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T số tiền nợ là 120.000.000 đồng.

[3] Về thời gian trả nợ: Ông T1 yêu cầu được trả nợ dần, nhưng ông G không chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp ông T1 có khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban T2. Buộc ông Nguyễn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng.

Ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002867 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 513, Điều 516 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban T2.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với bị đơn ông Nguyễn T1.

- Buộc ông Nguyễn T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T số tiền là 120.000.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Hoàng G, bà Lý Mỹ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002867 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Thạch Sô Phép**